CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 190 ngày 4/5/2019
Lãnh đạo CC
Phòng
Sao

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/OPEC/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA OPEC

Địa chỉ: Lô số 16, đường 206 khu A, Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Đình Dù, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 024 7306 8868 Fax: 024 3795 1071

E-mail: cskh@opec.vn

Mã số doanh nghiệp: 0104160054 , đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 04/12/2018. Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 14/2016/ATTP-CNĐK. Ngày Cấp: 22/03/2016. Nơi cấp: Chi cục ATVSTP tỉnh Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Hộp đựng thực phẩm Terasu

2. Thành phần: 100% nhựa PP (Polypropylen)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không có thời hạn.

4. Cảnh báo an toàn: Sử dụng an toàn ở nhiệt từ -10 ºC đến 120 ºC

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 1 bộ gồm 1 nắp và 1 hộp, đóng gói : 5 bộ/ lốc

- Kích cỡ hộp: Hộp tròn 350ml, Hộp vuông 750ml

-Quy cách thùng: 12 lốc / thùng carton.

Hoặc quy cách thay đổi theo yêu cầu của khách hàng.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Dự kiến)

Đính kèm trang sau.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty cổ phần nhựa OPEC đạt yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm theo luật:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm: QCVN 12-1 : 2011/BYT.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và các văn bản quy phạm phát luật liên quan. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 16 tháng 04 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA OPEC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐỨC HÀ

Φ 103 mm

Φ 55 mm

100,00 mm

110,00 mm

100,00 mm

HỘP ĐỰNG THỰC PHẨM

TERASU®
アマテラス

Hộp vuông 750 ml
5 bộ/lốc

THÀNH PHẦN
- 100% PP.
- Nguyên liệu đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
- Mở nắp trước khi hâm nóng trong lò Microwave.
- Rửa sạch trước khi dùng.

CẢNH BÁO AN TOÀN
- Sử dụng an toàn ở nhiệt độ từ -10°C đến 120°C

MATERIAL
- 100% PP.
- Food safety

HOW TO USE
- Open lid before heating in Microwave oven.
- Rinse before usage.

SAFETY CAUTION
- Safe temperature from -10°C to 120°C

Hotline: 098 111 8 666

TERASU®
アマテラス

8 936110 157120 3

100,00 mm

310,00 mm

Quatest 1

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Directorate for Standards Metrology and Quality
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1
Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38361399 - Fax: 024 38361199 - Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long - Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002 - Fax: 024 32191001

VILAS 028

Số/No: 2018/ 2631 /TNH

BẢN SAO

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/ *Name of sample:* **Hộp đựng thực phẩm Terasu**
2. Khách hàng/ *Customer:* Công ty cổ phần Nhựa OPEC
3. Số lượng mẫu/ *Quantity:* 03 hộp
4. Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving:* 10/ 12 / 2018
5. Tình trạng mẫu/ *Status of sample:* Mẫu trong túi nilon
6. Thời gian thử nghiệm/ *Test duration:* Từ ngày/ *From:* 10 /12 /2018 đến ngày/ *To:* 18/ 12 /18

STT Item	*Tên chỉ tiêu Specifications*	*Phương pháp thử Test methods*	Mức QCVN 12-1:11/BYT	*Giới hạn phát hiện*	*Kết quả Results*
1.	Hàm lượng Cd µg/g(**)	QCVN 12-1:2011/BYT(*)	< 100	1,0	Không phát hiện
2.	Hàm lượng Pb µg/g(**)	"	< 100	1,0	Không phát hiện
3.	Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm: (**)	QCVN 12-1:2011/BYT(*)			
	1. 60°C, 30 phút, trong nước, µg/ml	"	≤ 30	5,0	Không phát hiện
	2. 25°C, 60 phút, trong n-heptan, µg/ml	"	≤ 30	5,0	Không phát hiện
	3. 60°C, 30 phút, trong axit acetic4% , µg/ml	"	≤ 30	5,0	Không phát hiện
	4. 60°C, 30 phút, trong Etanol 20%, µg/ml	"	≤ 30	5,0	Không phát hiện
4.	Tổng kim loại nặng qui ra Pb *(Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30phút trong axit axetic 4%)* µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT(*)	≤ 1,0	-	< 1,0
5.	Lượng $KMnO_4$ sử dụng, µg/ml(**) *(Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30phút trong nước)*	QCVN 12-1:2011/BYT(*)	≤ 10	1,0	Không phát hiện

(*) QCVN12-1:11/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
(**): chỉ tiêu được công nhận Vilas
KQĐ: Không qui định.

Hà Nội, *ngày 18 tháng 12 năm 2018*

PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM HÓA-THỰC PHẨM

Đỗ văn Thích

GIÁM ĐỐC

Kim Đức Thụ

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2663 Quyển số: 03 SCT/BS
Ngày: 29-01-2019

S.D.K.H.D: 28 - T.P VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀN KIẾM

CÔNG CHỨNG VIÊN PHẠM THỊ HIỀN

1. *Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.*
This test results is valid only for samples taken by customer.
2. *Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm khi chưa được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
This test results shall not reproduced except in full without the written approved of QUATEST 1.
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
Name of sample and customer are written as customer's request.